

Bản án số: 18/2018/HS-PT
Ngày: 22-01-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**
Các Thẩm phán: Ông **Lê Lâm Sơn**
Bà Nguyễn Thị Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 210/2017/TLPT-HS ngày 06 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Thành C, Trần Long H và Phạm Lê Nh do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm 62/2017/HS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thành C, sinh năm: 1993. Nơi sinh: Hòn Đ, Kiên Giang. Nơi cư trú: tổ 4, ấp M, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 23/11/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/4/2017 (Có mặt).

2. Trần Long H, sinh năm: 1993. Nơi sinh: huyện H, Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp Mương K, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị M; vợ: Nguyễn Thị Ngọc Q; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/5/2017 đến ngày 06/9/2017 (Có mặt).

3. Phạm Lê Nh (Nh), sinh năm: 1992. Nơi sinh: huyện H, Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Phạm Hùng C và bà Lê Thị Hồng L; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/5/2017 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8 năm 2016, Nguyễn Thành C đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, C có quen Kh (không biết họ, tên và địa chỉ cụ thể) và sử dụng ma túy với Kh nhiều lần.

Tháng 2 năm 2017, C từ Bình Dương về nhà thì gặp Kh và mua 400.000đồng ma túy về nhà sử dụng và rủ thêm Phạm Lê Nh, Trần Long H và Nguyễn Công H sử dụng.

Khoảng tháng 4 năm 2017, Kh điện thoại cho C nói bán ma túy không, bán vừa có tiền và có ma túy sử dụng thì C đồng ý. C rủ Phạm Lê Nh tham gia bán ma túy cho C thì được Nh đồng ý. C và Nh thỏa thuận là Nh bán ma túy được bao nhiêu thì chia hai. Sau khi thỏa thuận xong thì C điện thoại cho Kh gửi ma túy xuống cho C. Kh bỏ ma túy vào bọc, một cây cân điện tử (cân tiểu ly dùng để phân chia ma túy) bỏ vào một cái loa (loa nghe nhạc) gửi xe đò cho C nhận.

Sau khi nhận được ma túy của Kh gửi, C dùng cân điện tử phân chia ma túy từ phần nhỏ, còn H tiếp xếp bọc, phân chia xong C viết lên băng keo giấy dán lên từng bọc (tép) có đánh số và giá tiền từng tép mỗi tép có giá từ 200.000đồng; 300.000đồng; 400.000đồng; 500.000đồng; 800.000đồng và 1.200.000đồng. Mỗi lần H tiếp phân chia ma túy cho C thì C cho ma túy sử dụng không lấy tiền.

Sau khi phân chia xong, C giao cho Nh bán cho các đối tượng sử dụng. Tháng 4 năm 2017, Nh bán cho Nguyễn Văn G tại khu phố S, thị trấn S, huyện H, 04 lần mỗi lần một tép giá 500.000đồng.

Ngày 23/4/2017, C mượn xe mô tô biển kiểm soát 68D1-277.08 của H (ông Nguyễn Minh H cha H làm chủ) mang theo hai tép, mỗi tép giá 500.000đồng đến nhà Trần Hồng H tại ấp H, xã Th, huyện H bán cho Nguyễn Văn Th cứ trú tại ấp Phước Th, xã M, huyện H.

Ngày 24/4/2017, Tô Văn L và Trần Hồng H trực tiếp đến nhà Công mua hai tép, mỗi tép 500.000đồng và tiếp đó, C còn bán cho Trần Hồng H nhiều lần mỗi lần từ 300.000đồng đến 500.000đồng.

Khoảng 8 giờ, ngày 30/4/2017, Công điện thoại cho H đến nhà C phân ma túy để bán. C dùng cân tiểu ly phân ma túy còn H thì xếp bọc và viết số vào băng keo giấy để C bỏ ma túy vào bọc và dán băng keo lại. Khoảng 10 giờ cùng ngày Nguyễn Công H trực tiếp đến nhà C mua một tép 200.000đồng sử dụng tại phòng ngủ của C và Trần Hồng H chạy xe đến nhà C mua một tép giá 120.000đồng trên đường đi bị lực lượng Công an xã S và Công an huyện H bắt và thu giữ một tép ma túy.

*Tang vật vụ án thu giữ gồm:

- 21,8856 Methamphetamine (ma túy đá) được niêm phong trong 01 (một) phong bì của phòng kỹ thuật hình sự, có chữ ký của giám định viên Lê Đức Huy có chữ ký của người chứng kiến là Đặng Sơn Tùng L.

- 0,1437gam Methamphetamine (ma túy đá) được niêm phong trong 01 (một) phong bì của phòng kỹ thuật hình sự, có chữ ký của giám định viên Lê Đức Huy có chữ ký của người chứng kiến là Đặng Sơn Tùng L.

- 0,3584gam Methamphetamine (ma túy đá) được niêm phong trong 01 (một) phong bì của phòng kỹ thuật hình sự, có chữ ký của giám định viên Lê Đức Huy có chữ ký của người chứng kiến là Đặng Sơn Tùng L.

Tiền Việt nam đồng: 5.070.000đồng (Năm triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng).

01 (một) cân tiểu ly điện tử màu đen hình chữ nhật kích thước 12,2 x 6,4cm mặt cân màu trắng.

01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sungloại Duos màu trắng.

01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia loại 1202.

01 (một) khay inox màu trắng kích thước 15,7 x 9,3 cm.

03 (ba) chiếc quẹt ga trong đó, 02 chiếc màu trắng, 01 chiếc màu xanh.

01 (một) chiếc kéo bằng kim loại màu trắng dài 8,7 cm.

01 (một) cuộn băng keo bằng giấy màu trắng.

01 (một) bình thủy tinh tròn dài 9,2 cm.

01 (một) chiếc thủy tinh hình tròn đường kính 5,3 cm, dài 5,3 cm.

03 (ba) cái nỏ thủy tinh dùng ma túy đá.

01 (một) bình thủy tinh hình tròn dài 9,5 cm.

01 (một) cây dao bằng kim loại màu trắng dài 47,5 cm.

01 (một) con dao dài 38,5 cm.

Chiếc xe mô tô biển số 68D1-277-08 do ông Trần Minh H là chủ sở hữu mà Trần Long H cho Nguyễn Thành C mượn đi bán ma túy hai lần. Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất đã trả lại chiếc xe cho ông Trần Minh H.

Tại kết luận giám định số: 240/KL-KTHS, ngày 16/5/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Kiên Giang kết luận như sau:

Gói 1: các hạt tinh thể màu trắng không đồng nhất chứa trong 79 gói nhựa được hàn kín và hai bọc nhựa được niêm phong gửi giám định là chất ma túy loại Methamphetamine. Trọng lượng gửi giám định là 21,8856gam.

Gói 2: các hạt tinh thể rắn không đồng nhất chứa trong một bọc nhựa được hàn kín, niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Trọng lượng gửi giám định là 0,1437gam.

Gói 3: các hạt tinh thể rắn, màu trắng không đồng nhất chứa trong một ống nhựa được hàn kín, niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Trọng lượng gửi giám định là 0,3584gam.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 62/2017/HSST ngày 31/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Thành C, Trần Long H và Phạm Lê Nh** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thành C 09 (chín) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/4/2017.

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Long H 07 (bảy) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/5/2017. Nhưng bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 05/5/2017 đến ngày 06/9/2017.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Lê Nh 07 (bảy) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/5/2017.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06 và ngày 08/11/2017, bị cáo Nguyễn Thành C, Trần Long H và Phạm Lê Nh có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thành C, Trần Long H và Phạm Lê Nh thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất đã xét xử các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là đúng tội và đề nghị xem xét đơn kháng cáo của các bị cáo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, giảm cho bị cáo H 02 năm tù, còn lại 05 năm tù; đối với hai bị cáo C và Nh đề nghị giữ nguyên mức án sơ thẩm đã tuyên. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đề nghị giữ y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành C, Trần Long H và Phạm Lê Nh về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 231, 233, 234 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo.

[2] Về Quyết định của bản án sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thành C, Trần Long H và Phạm Lê Nh đều nhận thức được việc mua bán ma túy

(Methamphetamine) là vi phạm pháp luật. Nhưng vì mục đích hám lợi cá nhân và nhu cầu có ma túy để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện, từ tháng 02/2017 đến tháng 04/2017, các bị cáo Nguyễn Thành C và Phạm Lê Nh đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho nhiều đối tượng trên địa bàn huyện H, tỉnh Kiên Giang. Bị cáo Trần Long H tuy không trực tiếp thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng bị cáo làm công việc xếp bọc và viết số vào băng keo giấy giúp C phân chia ma túy để bán. Hành vi của bị cáo H là đồng phạm giúp sức cùng với bị cáo C và Nh. Do đó, bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự để xét xử các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về thời điểm chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo Trần Long H chưa chính xác, phần nhận định tình tiết giảm nhẹ của bị cáo H và bị cáo Nh thì chỉ có điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự nhưng phần quyết định lại áp dụng cả khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 20 Bộ luật hình sự về đồng phạm, không áp dụng điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự về tự thú là không phù hợp quy định của pháp luật, cấp phúc thẩm cần xem xét lại.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của các bị cáo: Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử thấy rằng tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Công 09 năm tù, bị cáo H và Nh 07 năm tù là tương xứng. Tuy nhiên, các bị cáo đã tự thú về những lần phạm tội trước đó chưa bị phát hiện nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét kháng cáo cho các bị cáo. Riêng bị cáo H không trực tiếp thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy mà bị cáo chỉ giúp sức xếp bọc. Vì vậy mức độ phạm tội của bị cáo H là nhẹ nhất cần được xem xét.

[4] Về quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát: Tại phiên tòa, vị đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo H 02 năm, hai bị cáo C và Nh đề nghị giữ y. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát. Vì cả ba bị cáo được áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự nên chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho cả ba bị cáo.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử đã thảo luận và thấy rằng Quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh cho các bị cáo Nguyễn Thành C, Trần Long H và Phạm Lê Nh là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên cấp phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thành C 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/4/2017.

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Long H 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án. Nhưng bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 05/5/2017 đến ngày 06/9/2017.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Lê Nh (Nh) 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/5/2017.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 62/2017/HS-ST ngày 31/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TPHCM.
- TAND cấp cao tại TPHCM.
- VKSND tỉnh.
- Trại tạm giam KG.
- Sở tư pháp
- TAND huyện
- THA huyện
- VKSND huyện
- Bị cáo.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Quốc Chiến